

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày 18 tháng 7 năm 2024
V/v: “Tranh chấp về
Hôn nhân và gia đình”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Việt D.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn H và ông Nguyễn Việt T.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hải P - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Quỳnh N - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đồng Thị T, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn A, xã K, huyện T, tỉnh Y.

Bị đơn: Anh Ngô Duy P, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Khu Đ, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

(Chị T và anh P đều có đơn xin giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Tại đơn khởi kiện ngày 18/01/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đồng Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Duy P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 11 năm 2022 tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống tại khu Đền Thượng, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng

bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên anh xin được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị và anh P không có con chung.

Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T không yêu cầu giải quyết.

2, Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Ngô Duy P trình bày:

2.1 Tại phiên hòa giải ngày 30/01/2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, anh P trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh thừa nhận lời trình bày của chị T về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị T xin ly hôn anh, quan điểm của anh là tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn với chị T.

- *Về con chung:* Anh và chị T không có con chung.

- *Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức:* Anh không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên hòa giải ngày 30/01/2024, chị T và anh P đã thống nhất thuận tình ly hôn. Tòa án đã lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 30/01/2024. Ngày 02/02/2024, anh P có đơn đề nghị xin thay đổi quan điểm trong vụ án ly hôn gửi đến Tòa án về việc không nhất trí ly hôn với chị T.

2.2. Tại phiên hòa giải ngày 26/4/2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, anh P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng như chị T và anh đã trình bày ở Biên bản hòa giải ngày 30/01/2024 tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê. Vợ chồng anh đã ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Tại phiên hòa giải ngày 30/01/2024, chị T và anh đã thống nhất thuận tình ly hôn. Đến ngày 02/02/2024, anh có Đơn đề nghị trình bày về việc xin thay đổi nội dung đã thống nhất tại phiên hòa giải ngày 30/01/2024, cụ thể: Anh không nhất trí ly hôn với chị T. Nay chị T xin ly hôn anh, quan điểm của anh là tình cảm vợ chồng không còn, nhưng anh cần thời gian để anh và chị T giải quyết những vướng mắc cá nhân nên tại thời điểm này, anh không nhất trí ly hôn với chị T.

- *Về con chung:* Anh và chị T không có con chung.

- *Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức:* Anh không yêu cầu giải quyết.

3, Qua xác minh tại UBND xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ ngày 15/4/2024 được đại diện chính quyền địa P cung cấp:

Chị T và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 11 năm 2022 tại UBND xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn chị T, anh P về chung sống tại khu Đ, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống, giữa chị T và anh P có phát sinh mâu thuẫn dẫn tới chị T và anh P không còn chung sống với nhau trên địa bàn địa P. Nay chị T xin ly hôn

anh P, quan điểm của địa P là đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: Chị T và anh P không có con chung.

Tại phiên toà kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX) và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì, bị đơn vi phạm về nghĩa vụ quy định tại khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị T được ly hôn anh Ngô Duy P.

Về con chung: Không có, không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị T và anh P đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Đồng Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[1.2]. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Ngô Duy P có hộ khẩu thường trú tại khu Đ, xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ. Căn cứ điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[1.3]. Về sự vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn: Chị T có đơn xin được giải quyết xét xử vắng mặt. Phía anh P đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/5/2024 nhưng anh P vẫn vắng mặt lần thứ 01 tại phiên tòa mà không có lý do. Sau khi nhận được Quyết định hoãn phiên tòa số 43/2024/QĐST-HNGĐ ngày 18/6/2024 anh P có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị T và anh P là hoàn toàn hợp pháp được UBND xã T, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 11 năm 2022. Chị T và anh P đều trình bày sau khi kết hôn vợ chồng hoà thuận hạnh phúc được vài tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau. Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê đã tiến hành xác minh về quan hệ hôn nhân của anh chị và được đại diện chính quyền địa P cung cấp chị T, anh P đã ly thân, không còn chung sống với nhau. Xét thấy cuộc hôn nhân giữa chị T và anh P đã mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần xử cho chị T được ly hôn anh P là phù hợp với khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh P không có con chung, không xem xét giải quyết.

[2.3]. Về tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Chị T, anh P đều không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, điều 35; điểm a, khoản 1, điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đồng Thị T được ly hôn anh Ngô Duy P.

[2]. Về con chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

[3]. Về tài sản chung; Nghĩa vụ chung về tài sản; Công sức: Chị T và anh P không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Đồng Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0004790 ngày 30/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo: Chị Đồng Thị T và anh Ngô Duy P vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết để đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện Cẩm Khê;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Khê;
- Lưu HS+ VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Trần Việt Dũng